

PHỤ LỤC 04E: BIỂU PHÍ PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ THẺ GHI NỢ ĐỒNG THƯƠNG HIỆU PVCOMBANK GLOBAL (Áp dụng từ 06/01/2025)

STT	Danh mục các loại phí	KH Thông thường	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Phân khúc KH thuộc Ngân sách nhà nước				KH nhận lương tại PVcomBank/ KH gởi tài khoản	Căn cứ tính	VAT	Nhóm giảm phí
			Private	Diamond PN1	Platinum PN2 EX.Private FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Diamond EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3	Hạng Kim Cương G.Diamond	Hạng Bạch Kim G.Platinum	Hạng Vàng G. Gold	Trải nghiệm				
1	Phát hành thẻ													A
1.1	Thẻ chính	110.000 VND	Miễn phí		Miễn phí phát hành lần đầu/01 tài khoản, từ lần 2 trở đi thu 110.000 VND/thẻ		Miễn phí phát hành lần đầu/01 tài khoản, từ lần 2 trở đi thu 110.000 VND/thẻ		110.000 VND	110.000 VND	Miễn phí phát hành lần đầu/01 tài khoản, từ lần 2 trở đi thu 110.000/thẻ	01 thẻ	VAT	
1.2	Phí phát hành thẻ nhanh (Theo yêu cầu của khách hàng)	50.000 VND	Miễn phí		50.000 VND						01 thẻ	VAT		
2	Phí thường niên (*)											01 thẻ	VAT	A

STT	Danh mục các loại phí	KH Thông thường	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Phân khúc KH thuộc Ngân sách nhà nước				KH nhận lương tại PVcomBank/ KH gói tài khoản	Căn cứ tính	VAT	Nhóm giảm phí
			Private	Diamond PN1	Platinum PN2 FA.Private FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Diamond EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3	Hạng Kim Cương G.Diamond	Hạng Bạch Kim G.Platinum	Hạng Vàng G. Gold	Trải nghiệm				
2.1	Phí thường niên năm đầu													A
	- Thẻ chính	120.000 VND	Miễn phí											
2.2	Phí thường niên năm thứ 2													A
	- Thẻ chính	120.000 VND	Miễn phí						120.000 VND					
2.3	Phí thường niên năm thứ 3													A
	- Thẻ chính	120.000 VND	Miễn phí						120.000 VND					
2.4	Phí thường niên năm thứ 4													A
	- Thẻ chính	120.000 VND	Miễn phí			120.000 VND								
2.5	Phí thường niên năm thứ 5													A
	- Thẻ chính	120.000 VND	Miễn phí		120.000 VND									
2.6	Phí thường niên năm thứ 6													A
	- Thẻ chính	120.000 VND	Miễn phí		120.000 VND									
3	Phí phát hành lại thẻ (thay đổi hạng, mất cấp, thất lạc...)	110.000 VND									01 lần	VAT	A	
4	Phí gia hạn thẻ hết hạn	30.000 VND	Miễn phí									01 lần	VAT	A
5	Phí cấp lại PIN	22.000 VND									01 lần	VAT	A	

STT	Danh mục các loại phí	KH Thông thường	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Phân khúc KH thuộc Ngân sách nhà nước				KH nhận lương tại PVcomBank/ KH gói tài khoản	Căn cứ tính	VAT	Nhóm giảm phí	
			Private	Diamond PN1	Platinum PN2 FA.Private FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Diamond EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3	Hạng Kim Cương G.Diamond	Hạng Bạch Kim G.Platinum	Hạng Vàng G. Gold	Trải nghiệm					
6	Phí thanh lý thẻ (Nếu không hoàn lại thẻ)	55.000 VND										01 lần	VAT	A	
7	Phí tra soát khiếu nại (do khiếu nại sai)	110.000 VND	55.000 VND		110.000 VND							01 lần	VAT	A	
8	Phí khác bao gồm: Phí cấp bản sao hóa đơn giao dịch...	55.000 VND	33.000 VND		55.000 VND							01 lần	VAT	A	
9	Phí cấp bản sao sao kê chi tiết tại quầy	55.000 VND	33.000 VND		55.000 VND							01 lần	VAT	A	
10	Phí giao dịch qua ATM trong hệ thống PVcomBank												A		
	- Vấn tin	Miễn phí										01 lần	VAT		
	- Sao kê giao dịch	550 VND	Miễn phí										01 lần	VAT	
	- Rút tiền mặt	1.100 VND	Miễn phí				1.100 VND				01 lần	VAT			
	- Chuyển khoản sang thẻ/TK	550 VND	Miễn phí				550 VND				01 lần	VAT			
11	Phí giao dịch qua ATM ngoài hệ thống PVcomBank tại Việt Nam												A		
	- Vấn tin	550 VND	Miễn phí				550 VND				01 lần	VAT			

STT	Đanh mục các loại phí	KH Thông thường	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Phân khúc KH thuộc Ngân sách nhà nước				KH nhận lương tại PVcomBank/ KH gói tài khoản	Căn cứ tính	VAT	Nhóm giảm phí
			Private	Diamond PN1	Platinum PN2 FA.Private FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Diamond EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3	Hạng Kim Cương G.Diamond	Hạng Bạch Kim G.Platinum	Hạng Vàng G. Gold	Trái nghiệm				
	- Sao kê giao dịch	880 VND	Miễn phí				880 VND				Miễn phí	01 lần	VAT	
	- Rút tiền mặt	3.300 VND	Miễn phí				3.300 VND				Miễn phí	01 lần	VAT	
	- Chuyển khoản sang thẻ/TK Ngân hàng khác	5.500 VND	Miễn phí				5.500 VND				Miễn phí	01 lần	VAT	
12	Phí rút tiền mặt nước ngoài	4% (Tối thiểu 50.000 VND)										Số tiền giao dịch	VAT	A
13	Phí chuyển đổi ngoại tệ	2,3% * số tiền giao dịch										Số tiền giao dịch	VAT	A
14	Phí giao dịch xuyên biên giới bằng đồng VND	1,1%*số tiền giao dịch										Số tiền giao dịch	VAT	A
15	Phí giao dịch tại POS	Miễn phí										01 lần		A
	- Vấn tin/mua hàng/hủy giao dịch	Miễn phí										01 lần		
16	Phí thay đổi hạn mức giao dịch	Miễn phí										01 lần		A

STT	Danh mục các loại phí	KH Thông thường	Hội viên Dịch vụ Ngân hàng ưu tiên				Phân khúc KH thuộc Ngân sách nhà nước				KH nhận lương tại PVcomBank/ KH gói tài khoản	Căn cứ tính	VAT	Nhóm giảm phí
			Private	Diamond PN1	Platinum PN2 FA.Private FA.Diamond FA.PN1	Gold PN3 EX.Diamond EX.Platinum EX.Gold FA.Platinum FA.Gold FA.PN2 FA.PN3	Hạng Kim Cương G.Diamond	Hạng Bạch Kim G.Platinum	Hạng Vàng G. Gold	Trải nghiệm				
17	Phí chuyển phát nhanh thẻ và/hoặc PIN (thu khi KH đăng ký chuyển thẻ và/hoặc PIN tại nhà)											01 thẻ	VAT	A
18	Phí chọn số thẻ theo yêu cầu(**)											01 thẻ	VAT	A

Lưu ý:

- Điều kiện phân nhóm khách hàng được căn cứ theo quy định của PVcomBank trong từng thời kỳ và chính sách giá/phí được áp dụng cho khách hàng theo phân nhóm khách hàng tại thời điểm KH mở CIF trên hệ thống T24.
(*) Điều kiện hoàn phí thường niên (áp dụng với khách hàng phát sinh phí thường niên năm tiếp theo): Khách hàng đang sử dụng thẻ ghi nợ đồng thương hiệu và đạt tổng giá trị giao dịch trong năm liền trước với thẻ chính đạt từ 30 triệu đồng trở lên áp dụng với giao dịch thanh toán trên internet và/hoặc giao dịch trên POS.
- PVcomBank không hoàn lại phí cho Khách hàng trong trường hợp Khách hàng yêu cầu hủy bỏ giao dịch hoặc giao dịch không thực hiện được vì sai sót, sự cố không phải do lỗi của PVcomBank gây ra.
- Các chi phí phát sinh như phí chuyển phát và các chi phí khác do Ngân hàng/tổ chức khác thu sẽ được PVcomBank thông báo và thu theo thực tế phát sinh.
- Các phí có ghi chú ở cột VAT là "VAT" trong biểu phí này đã bao gồm thuế GTGT.
- Các phí không ghi chú ở cột VAT trong biểu phí này thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định của cơ quan thuế.
(**) Phí chọn số thẻ theo yêu cầu không bao gồm Phí chọn số thẻ đẹp. Quy định về liên quan đến phí Số thẻ đẹp được PVcomBank ban hành theo từng thời kỳ.